

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn và
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngự;
2. Ông Nông Văn Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Miên-Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1995; nơi ĐKKHKT: Xóm Đ, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; có mặt;
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1997; nơi ĐKKHKT: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Bá T trên cơ sở tự nguyện, ngày 22/8/2017 được Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm Đ, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên cùng với bố mẹ đẻ chị. Do điều kiện công việc nên anh T đi làm xa ít khi về nhà còn chị đi làm công nhân tại khu công nghiệp Samsung Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên, đi về trong ngày. Tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Nguyên nhân là do tính cách, quan điểm không hợp nhau, sự bất đồng về vấn đề kinh tế, trách nhiệm của vợ chồng trong việc chăm sóc con cái, sống xa nhau nên tình cảm không được vun đắp, hiểu lầm ngày càng lớn hơn. Vợ

chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau.

Việc anh T, không quan tâm chăm sóc cuộc sống gia đình, không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha, làm cho cuộc sống của chị gặp nhiều khó khăn. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa, việc duy trì mối quan hệ vợ chồng với anh T không đem lại hạnh phúc cho cả hai, do vậy chị xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/11/2017 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Không yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 26/02/2020 và trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Nguyễn Bá T trình bày: Anh công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị T khai là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách quan điểm không hợp nhau, vợ chồng đi làm xa nhau nên tình cảm không được vun đắp, cả hai vợ chồng còn trẻ tuổi nên suy nghĩ bùng bột. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019, anh đi làm xa nhà.

Hiện tại, anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T, chị T xin ly hôn anh, anh không nhất trí mà có nguyện vọng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/11/2017 hiện đang ở với chị T. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Yêu cầu chị T phải có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc T theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T, cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Bá T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/11/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung cho anh T do chị T không yêu cầu. Anh T có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:**

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị T với bị đơn là anh Nguyễn Bá T cùng trú tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, Tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định. Hai bên đương sự không nhất trí thỏa thuận giải quyết được toàn bộ nội dung có tranh chấp nên vụ án được đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai. Anh T đã nhận được giấy báo hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nh vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Bá T.

*** Về nội dung vụ án:**

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Bá T kết hôn tháng 8/2017 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cô Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên nên đây được coi là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh T chung sống cùng với gia đình nhà vợ tại xóm Đường Goòng, xã Cô Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân không hạnh phúc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Nguyên nhân là do anh T không quan tâm chăm lo cho cuộc sống vợ chồng và chăm sóc con cái, một mình chị phải gánh vác nhiều việc cả về kinh tế và chăm con nhỏ. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Anh T xác định thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng mà chỉ là những hiểu lầm do cả hai còn trẻ, suy nghĩ bột phát. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh, anh không nhất trí mà có nguyện vọng đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc anh T cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng là do vợ chồng còn trẻ, suy nghĩ chưa chín chắn, bản thân anh T vẫn có nguyện vọng về đoàn tụ vợ chồng với chị T nh trong quá trình giải quyết vụ án anh T không có những thay đổi theo hướng tích cực để xây đắp lại tình cảm vợ chồng, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ chị T chăm sóc con cái và chia sẻ các công việc gia đình. Anh T không có những việc làm thiết thực để chứng minh cho nguyện vọng muốn đoàn tụ gia đình như cùng chị T chăm sóc con cái hoặc giúp đỡ chị T về vấn đề chi phí để nuôi dưỡng con chung. Từ những nhận định trên, có thể thấy rằng anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân gia đình, cụ thể như sau:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả

hai bên, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh T.

[4]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Gia H sinh ngày 14/11/2017 hiện đang ở với chị T. Quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Còn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, ban đầu anh T có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con NH không đưa ra định mức cụ thể, đến phiên hòa giải anh T lại thay đổi ý kiến, chỉ yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến. Hội đồng xét xử thấy rằng, về điều kiện nuôi dưỡng: Chị T có công việc, thu nhập hàng tháng dao động từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng và nơi ở ổn định, đảm bảo được những điều kiện cơ bản để nuôi dưỡng và chăm sóc con. Về phía anh T, anh T có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung NH trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án phổ biến quyền, nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ NH anh T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, không chứng minh được thu nhập của mình có đảm bảo những điều kiện để nuôi con hay không. Anh T làm nghề tự do ở nhiều địa phương khác nhau không đảm bảo nơi ở ổn định để nuôi con nhỏ. Mặt khác, do cháu Nguyễn Gia H vẫn còn quá nhỏ sinh ngày 14/11/2017 đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...”

Trong thời gian chị T và anh T sống ly thân, cháu Nguyễn Gia H được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T là bố NH cũng ít đi lại thăm nom chăm sóc con. Đề việc ly hôn của chị T và anh T không làm ảnh hưởng đến cuộc sống và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu H, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T, anh T vẫn có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung.

[5]. Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, nợ chung các đương sự xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Bá T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H sinh ngày 14/11/2017 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T do chị T không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004047 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là anh Nguyễn Bá T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Lê Hồng Khánh